

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
đã được soát xét

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-20
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Diên Hồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Chủ tịch - bổ nhiệm ngày 05/05/2010
Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch - miễn nhiệm ngày 20/04/2010
Ông Hoàng Văn Thỏa	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Thực	Ủy viên - miễn nhiệm ngày 20/04/2010
Bà Trần Thị Lan	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ủy viên - bổ nhiệm ngày 05/05/2010
Bà Mạc Thị Thoa	Ủy viên - miễn nhiệm ngày 13/01/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Thực	Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Văn Thỏa	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
Ông Hồ Quốc Khánh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN IN DIÊN HỒNG

Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đinh Ngọc Thục

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2010

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
của Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Diên Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng được lập ngày 10 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Diên Hồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.774.721.767	21.377.822.426
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		881.271.216	3.026.841.538
111	1. Tiền	3	881.271.216	2.026.841.538
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.561.245.066	4.124.130.960
131	1. Phải thu của khách hàng		4.730.800.304	1.967.271.628
132	2. Trả trước cho người bán		295.000.000	312.000.000
135	3. Các khoản phải thu khác	4	2.595.555.628	1.904.970.198
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(60.110.866)	(60.110.866)
140	IV. Hàng tồn kho		5.174.111.743	13.264.672.735
141	1. Hàng tồn kho	5	5.174.111.743	13.264.672.735
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		158.093.742	962.177.193
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	794.502.457
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	232.935
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	158.093.742	167.441.801
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.684.988.259	7.319.584.408
220	II. Tài sản cố định		6.684.988.259	7.319.584.408
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	6.684.988.259	7.319.584.408
222	- Nguyên giá		20.045.761.837	19.935.761.837
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(13.360.773.578)	(12.616.177.429)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.459.710.026	28.697.406.834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.885.825.884	12.987.142.128
310	I. Nợ ngắn hạn		4.631.599.872	12.721.959.330
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	8	1.136.601.504	7.982.666.633
312	2. Phải trả người bán		1.882.028.523	3.445.557.470
313	3. Người mua trả tiền trước		99.125.610	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	290.584.601	7.666.233
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	1.226.517.843	1.198.190.803
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(3.258.209)	87.878.191
330	II. Nợ dài hạn		254.226.012	265.182.798
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		254.226.012	265.182.798
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.573.884.142	15.710.264.706
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	15.573.884.142	15.710.264.706
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		13.831.800.000	13.831.800.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.454.245.544	1.454.245.544
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		9.265.162	67.526.718
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		278.573.436	356.692.444
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.459.710.026	28.697.406.834

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý		3.166.158	3.166.158

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.624.896.226	18.307.686.608
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	15.624.896.226	18.307.686.608
11	4. Giá vốn hàng bán	13	13.857.922.476	16.640.614.993
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.766.973.750	1.667.071.615
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	34.182.606	23.192.782
22	7. Chi phí tài chính	15	334.094.973	90.591.118
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		334.094.973	90.591.118
24	8. Chi phí bán hàng		148.709.538	155.424.392
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.185.353.288	1.318.544.165
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		132.998.557	125.704.722
31	11. Thu nhập khác		354.675.531	454.511.901
32	12. Chi phí khác		93.428.491	31.816.101
40	13. Lợi nhuận khác		261.247.040	422.695.800
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		394.245.597	548.400.522
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	115.672.161	47.985.045
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		278.573.436	500.415.477
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		201	362

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		14.750.318.944	17.211.395.329
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(5.645.869.349)	(9.174.796.452)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.546.289.498)	(3.030.375.508)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(334.094.973)	(90.591.118)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(62.293.748)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		76.422.696	7.971.337
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.046.927.871)	(827.505.819)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.191.266.201	4.096.097.769
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(110.000.000)	(226.666.667)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.182.606	23.192.782
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(75.817.394)	(203.473.885)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.841.598.415	541.133.184
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.687.663.544)	(4.165.851.396)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(414.954.000)	(1.106.544.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.261.019.129)	(4.731.262.212)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.145.570.322)	(838.638.328)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.026.841.538	2.907.586.448
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	881.271.216	2.068.948.120

Trần Thị Lan
Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thục
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Diên Hồng được thành lập theo Quyết định số 1574/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B - Giảng Võ - Đống Đa - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 13.831.800.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ngàn đồng chẵn). Tương đương với 1.383.180 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103004371 ngày 13 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 17/9/2009 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- In tranh ảnh giáo dục;
- Sản xuất và mua bán thiết bị giáo dục;
- Đại lý phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo và các ấn phẩm văn hóa khác;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với hoạt động thương mại của Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	70.078.623	52.210.123
Tiền gửi ngân hàng	811.192.593	1.974.631.415
	<u>881.271.216</u>	<u>2.026.841.538</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.399.392.509	692.219.133
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại Hà Tây	848.605.300	848.605.300
Vật tư cho Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục vay	76.831.230	76.831.230
Phân xưởng máy vay giấy và mực	56.250.992	56.250.992
Phải thu khác	214.475.597	231.063.543
	<u>2.595.555.628</u>	<u>1.904.970.198</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.749.881.089	11.111.197.713
Công cụ, dụng cụ	11.994.790	16.431.111
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	922.672.137	1.737.091.564
Thành phẩm	421.476.933	363.434.896
Hàng gửi đi bán	68.086.794	36.517.451
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>5.174.111.743</u>	<u>13.264.672.735</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	158.093.742	167.441.801
	<u>158.093.742</u>	<u>167.441.801</u>

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.877.629.520	15.785.478.006	1.057.548.638	215.105.673	19.935.761.837
Số tăng trong kỳ	-	-	110.000.000	-	110.000.000
- Mua sắm mới			110.000.000	-	110.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.877.629.520	15.785.478.006	1.167.548.638	215.105.673	20.045.761.837
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.381.040.300	9.488.412.141	531.619.315	215.105.673	12.616.177.429
Số tăng trong kỳ	82.000.512	594.660.516	67.935.121	-	744.596.149
- Trích khấu hao	82.000.512	594.660.516	67.935.121	-	744.596.149
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.463.040.812	10.083.072.657	599.554.436	215.105.673	13.360.773.578
Giá trị còn lại					
Đầu năm	496.589.220	6.297.065.865	525.929.323	-	7.319.584.408
Cuối kỳ	414.588.708	5.702.405.349	567.994.202	-	6.684.988.259

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.903.991.179 đồng

8 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.136.601.504	7.982.666.633
- Vay ngân hàng (*)	1.136.601.504	7.982.666.633
	<u>1.136.601.504</u>	<u>7.982.666.633</u>

(*) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTDHN ngày 21/09/2009, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 14,5%/năm, có đảm bảo bằng tài sản.

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	227.915.629	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	60.227.446	6.849.033
Thuế Thu nhập cá nhân	2.441.526	817.200
	<u>290.584.601</u>	<u>7.666.233</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.557.426	48.670.391
Bảo hiểm xã hội	73.860.075	70.550.933
Trợ cấp thất nghiệp	17.885.466	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Tiền đền bù đất nhận của NXB Giáo dục	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	79.214.876	58.969.479
	<u>1.226.517.843</u>	<u>1.198.190.803</u>

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.831.800.000	1.310.409.073	572.350.362	576.242.324	16.290.801.759
Lãi trong năm trước	-	-	-	807.697.106	807.697.106
Tăng khác	-	143.836.471	25.478.032	-	169.314.503
Giảm khác	-	-	(530.301.676)	(1.027.246.986)	(1.557.548.662)
Số dư đầu năm	13.831.800.000	1.454.245.544	67.526.718	356.692.444	15.710.264.706
Lãi trong kỳ	-	-	-	278.573.436	278.573.436
Giảm khác (*)	-	-	(58.261.556)	(356.692.444)	(414.954.000)
Số dư cuối kỳ này	13.831.800.000	1.454.245.544	9.265.162	278.573.436	15.573.884.142

(*) Trả cổ tức cho cổ đông trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2010.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục	7.106.000.000	51,37%	7.054.218.000	51,00%
Vốn góp của đối tượng khác	6.725.800.000	48,63%	6.777.582.000	49,00%
	13.831.800.000	100,00%	13.831.800.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.831.800.000	13.831.800.000
- Vốn góp đầu năm	13.831.800.000	13.831.800.000
- Vốn góp cuối năm	13.831.800.000	13.831.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	414.954.000	1.106.544.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	414.954.000	1.106.544.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.383.180	1.383.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.383.180	1.383.180
- Cổ phiếu phổ thông	1.383.180	1.383.180
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.383.180	1.383.180
- Cổ phiếu phổ thông	1.383.180	1.383.180
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.454.245.544	1.454.245.544
Quỹ dự phòng tài chính	9.265.162	67.526.718
	1.463.510.706	1.521.772.262

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	15.624.896.226	18.307.686.608
	15.624.896.226	18.307.686.608

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	13.857.922.476	16.640.614.993
	13.857.922.476	16.640.614.993

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.182.606	23.192.782
	34.182.606	23.192.782

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	334.094.973	90.591.118
	334.094.973	90.591.118

16 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	394.245.597	548.400.522
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	68.443.044	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	68.443.044	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	462.688.641	548.400.522
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	115.672.161	137.100.131
Thuế TNDN được giảm 50% theo Công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004	-	(68.550.066)
Thuế TNDN được giảm 30% theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	-	(20.565.020)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	115.672.161	47.985.045

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	278.573.436	500.415.477
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	278.573.436	500.415.477
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.383.180	1.383.180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	201	362

17 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.410.409.260	13.294.293.127
Chi phí nhân công	950.857.066	1.920.692.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	744.596.149	744.762.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.386.674.847	1.293.085.374
Chi phí khác bằng tiền	699.447.980	861.750.484
	15.191.985.302	18.114.583.550

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	11.442.114.928	10.974.412.448
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	1.012.346.911	3.068.469.507
Mua hàng			
- Trung tâm Dịch vụ Kinh doanh giấy tại TP Hà Nội		396.234.863	372.004.405

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2009

	Mối quan hệ	30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
Phải thu			
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	2.037.320.539	537.391.989
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	115.825.600	128.541.677
Phải trả			
- Trung tâm Dịch vụ Kinh doanh giấy tại TP Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	263.332.371	445.525.691

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trần Thị Lan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Thực

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2010